

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ Y TẾ

PHỤ LỤC
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VỊ TRÍ DỰ TUYỂN NGUYỄN VỌNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI NĂM 2025

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
A		ĐƠN VỊ TUYỂN TÍNH															
I		Bệnh viện 331															
		Cao đẳng Điều dưỡng:15 chỉ tiêu															
1	0710	Ksor Ji Gur	Nam	24/11/1993	la Tul, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A000822	Người dân tộc thiểu số	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,5		5		99,5	
2	1103	Nguyễn Thị Ngọc Ý	Nữ	06/9/1990	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A180470	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				99,0	
3	0680	Phan Thị Kỳ Diễm	Nữ	06/6/1992	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B208228	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				98,5	
4	0724	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	15/5/1990	Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC02254	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				98,5	
5	0916	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	15/5/1990	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A180452	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,0				97,0	
6	1014	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	03/02/2002	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00358	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,5				94,5	
7	0688	Đặng Khánh Đoan	Nữ	14/10/2001	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A.000592)	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	91,5				91,5	
8	0839	Tạ Long	Nam	14/4/1994	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00222	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85,0				85,0	
9	0863	Nguyễn Thị My	Nữ	08/03/1991	Pleiku, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B125593)	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,5				81,5	
10	0660	Nguyễn Thị Bình	Nữ	10/10/1990	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A371149	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	73,5				73,5	
11	0738	Trần Thúy Hiền	Nữ	25/11/1997	Ia Hrug, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng TN21-CD0000113	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	66,5				66,5	
12	0872	Lê Thị Kim Nga	Nữ	01/7/1984	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC03032	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	66,5				66,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
13	0830	Trần Thị Nhật Linh	Nữ	20/01/2001	Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600696	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	65,0				65,0	
14	0668	Nguyễn Duy Chiến	Nam	24/10/1997	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC02973	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	50,0				50,0	
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu															
1	0330	Nguyễn Dương Hải Trà	Nữ	25/10/2001	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Dược sĩ đại học 7302610	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	86,0				86,0	
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu															
1	0420	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	17/01/1992	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Hộ sinh B365778	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	67,0				67,0	
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu															
1	1275	Nguyễn Hoàng Yén	Nữ	15/01/2001	Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học YDS.CN.002436	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	89,0				89,0	
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:1 chỉ tiêu															
1	1276	Phạm Anh Dũng	Nam	08/8/1988	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02900	Không	Bệnh viện 331	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	69,0				69,0	
		Đại học ngành Quan hệ quốc tế:1 chỉ tiêu															
1	1844	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	22/4/1988	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quan hệ quốc tế 00315065	Con thương binh	Bệnh viện 331	Đại học ngành Quan hệ quốc tế	Chuyên viên	01.003	89,0		5		94,0	
		Chuyên viên: Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu															
1	1569	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	27/8/1985	Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 198628	Không	Bệnh viện 331	Chuyên viên: Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Chuyên viên	01.003	61,0				61,0	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu															
1	1586	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	Nữ	09/7/1993	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh A0040835	Không	Bệnh viện 331	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	87,0				87,0	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học :1 chỉ tiêu															
1	1228	Đoàn Thị Hoài Thương	Nữ	06/9/1995	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học 1643778	Không	Bệnh viện 331	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	97,0				97,0	

[illegible]

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1305	Đặng Thị Phú	Nữ	06/12/1986	Quy Nhơn, Gia Lai	Cử nhân sư phạm tin học (53190)	Không	Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng.	Văn thư viên	02.007	100,0				100,0	
VI		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku															
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu															
1	1755	Mai Thị Quỳnh Như	Nữ	26/10/2001	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Luật MBS60015907	Không	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	86,0				86,0	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng:3 chỉ tiêu															
1	1211	Hồ Thị Hằng	Nữ	25/4/1999	Ia Ko, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng (001184)	Không	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	93,0				93,0	
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu															
1	1375	Nghiêm Thanh Sơn	Nam	25/8/1984	An Phú, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin A0129333	Không	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	70,0				70,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:9 chỉ tiêu															
1	0506	Nguyễn Thị Hương	Nữ	07/11/1990	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng TVU.031477	Không	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	90,5				90,5	
2	0527	Nay H' Lon	Nữ	21/6/1999	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng M0000999	Người dân tộc thiểu số	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		55,0	
3	0612	Lý Thị Kim Thương	Nữ	06/02/1984	Pleiku, tỉnh Gia Lai	- Thạc sĩ Điều dưỡng 27/ThSĐD/2017 - Cử nhân Điều dưỡng (A0213031)	Không	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0				50,0	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu															
1	1504	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	24/10/1992	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 830132	Không	Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	95,0				95,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu															
1	0848	Trang Thị Lý	Nữ	01/01/1991	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B136306)	Con thương binh	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,0		5		103,0	
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu															
1	0085	Phan Thị Kim Hiền	Nữ	16/12/1993	Hoài Nhơn Đông, Gia Lai	Cao đẳng ngành dược (B208865)	Không	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	91,5				91,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu															
1	1835	Phạm Lương Tường Vi	Nữ	30/10/1997	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Cử nhân luật kinh tế (1742852)	Không	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	84,0				84,0	
2		TRUNG TÂM Y TẾ															
I		Trung tâm Y tế An Khê															
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu															
1	1274	Đặng Nhật Tiến	Nam	14/6/1997	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học B934722	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	97,0				97,0	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu															
1	1804	Võ Thị Thanh Thu	Nữ	20/10/1995	An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước (SH:0001290)	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	85,5				85,5	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu															
1	1195	Hà Thị Kiều Trinh	Nữ	10/3/1997	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0024553	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
2	1188	Hồ Thị Thanh Thủy	Nữ	22/4/1999	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN02013	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0				98,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:18 chỉ tiêu															
1	0581	Đỗ Xuân Phương	Nữ	10/4/2003	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.000555)	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	92,0				92,0	
2	0600	Nguyễn Thị Kim Thắm	Nữ	20/9/1994	An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 0000839	Không	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	67,0				67,0	

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1127	Nguyễn Thị Út Đào	Nữ	20/12/1992	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (BA04065)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
2	1169	Nguyễn Thị Kim Nhân	Nữ	07/8/1994	Ân Hảo, Gia Lai	Cử nhân xét nghiệm y học (CN02076)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
3	1174	Võ Thị Tổ Như	Nữ	30/10/1995	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành xét nghiệm y học (1643738)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:4 chỉ tiêu															
1	0622	Phạm Thị Nhân Trân	Nữ	17/7/1993	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (0001446)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	96,0				96,0	
2	0640	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	12/05/2003	Vĩnh Thạnh, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (CN001654)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	94,5				94,5	
3	0439	Phan Thị Định	Nữ	21/9/1994	An Nhơn, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (TVU.1.040039)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	84,0				84,0	
4	0561	Đặng Thị Hồng Nhung	Nữ	08/05/1997	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (1763800)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	81,5				81,5	
		Đại học ngành Y tế công cộng :2 chỉ tiêu															
1	1536	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	27/11/2001	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Cử nhân y tế công cộng (YDS.CN.002030)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	67,0				67,0	
2	1531	Bùi Thị Ngọc Hà	Nữ	05/5/1995	Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Đại học Y tế công cộng (1576996)	Không	Trung tâm y tế An Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	47,0	58,0			58,0	
III		Trung tâm y tế Ayun Pa															
		Cao đẳng Điều dưỡng:3 chỉ tiêu															
1	0827	Nay H' Lin	Nữ	06/7/1996	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00264	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	84,0		5		89,0	
2	0860	Huỳnh Thị Diễm My	Nữ	07/4/1995	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B738090	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	88,0				88,0	
3	0711	Ksor H' Ha	Nữ	21/01/2004	Ia Rbol, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600949	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	82,5		5		87,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:3 chỉ tiêu															

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1839	Rmah H' Vui	Nữ	12/11/1991	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 1432160	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	78,0		5		83,0	
2	1661	Huỳnh Diệu Hương	Nữ	22/5/1998	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0125629	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	82,0				82,0	
3	1720	Nay H' Mua	Nữ	10/02/1998	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước A0003341	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	74,0		5		79,0	
Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:2 chỉ tiêu																	
1	1218	Nay Guang	Nam	30/8/1998	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học 001141	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	78,5		5		83,5	
Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:4 chỉ tiêu																	
1	1199	Nay Tuế	Nam	30/4/2002	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học DHY.6.1201.25	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0		5		103,0	
2	1131	Lê Ksor Đức	Nam	12/8/1996	Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 1712910	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	95,0		5		100,0	
3	1138	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	19/12/2001	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.003149	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	99,0				99,0	
4	1164	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	07/5/1991	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.005828	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	99,0				99,0	
Đại học ngành Điều dưỡng:59 chỉ tiêu																	
1	0633	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	20/8/2000	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng E0021912	Không	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	94,5				94,5	

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1229	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	02/4/2001	Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học DNC/Cn.001195	Không	Trung tâm y tế Chư Păh	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	76,5				76,5	
V		Trung tâm y tế Chư Prông															
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu															
1	0058	Hoàng Thị Ёn	Nữ	24/02/1991	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành Dược A181189	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,0				51,0	
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu															
1	0413	Lê Thị Hoài	Nữ	12/9/1995	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng hộ sinh B874257	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	62,5				62,5	
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học:1 chỉ tiêu															
1	1264	Hoàng Đình Đức	Nam	30/7/1993	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học 004831	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	95,0				95,0	
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu															
1	1888	Rơ Châm H' Xuyên	Nữ	20/11/1999	la Krêl, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công tác xã hội HPN.01744	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	85,0		5		90,0	
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:2 chỉ tiêu															
1	1344	Huỳnh Ngọc Anh	Nam	15/01/1997	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ thông tin (số hiệu: A0001883)	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	67,0				67,0	
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu															
1	1337	Hà Thị Thu Trang	Nữ	22/10/1992	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Đại học Luật E0034491	Không	Trung tâm y tế Chư Prông	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	98,0				98,0	
VI		Trung tâm y tế Chư Puh															
		Chuyên viên (Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính):1 chỉ tiêu															
1	1568	Trần Thị Thùy	Nữ	13/12/1997	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán 000373	Không	Trung tâm y tế Chư Puh	Chuyên viên: Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Chuyên viên	01.003	85,0				85,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh: 2 chỉ tiêu															
1	1673	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	29/4/2001	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật BS.UL.B.00110 71	Không	Trung tâm y tế Chư Pưh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0				83,0	
		Văn thư viên: 1 chỉ tiêu															
1	1302	Nguyễn Thị Ly	Nữ	12/9/1989	Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản trị Văn phòng TVU.1.046197	Không	Trung tâm y tế Chư Pưh	Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng.	Văn thư viên	02.007	94,0				94,0	
VII		Trung tâm y tế Chư Sê															
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh: 1 chỉ tiêu															
1	1572	Đinh Thị Châu Anh	Nữ	20/01/1996	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước 299377	Không	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	71,5				71,5	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học: 2 chỉ tiêu															
1	1201	Rơ Mah Uyên	Nữ	12/10/1999	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân ngành kỹ thuật xét nghiệm y học 002227	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	99,5		5		104,5	
2	1155	Ksor H' Lành	Nữ	24/8/1999	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học 001311	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,0		5		103,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng: 22 chỉ tiêu															
1	0524	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	15/02/1999	la Ko, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng E0011561	Không	Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0				50,0	
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu															
1	1329	Võ Thị Mai Sương	Nữ	05/01/1991	Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Quản trị văn phòng (A216454)	Không	Trung tâm y tế Chư Sê	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	100,0				100,0	
VIII		Trung tâm y tế Đak Đoa															
		Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng: 1 chỉ tiêu															

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	0663	Kpuih Búc	Nữ	'27/02/2001	Ia Krêl, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDA00471	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	97,5		5		102,5	
2	0954	Rơ Mah H' Rim	Nữ	08/7/2001	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600694	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85,0		5		90,0	
3	0657	Rơ Mah H' Bích	Nữ	13/6/2001	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A000763	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,0		5		68,0	
4	1027	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	26/11/2003	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng YHN4004724	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	67,0				67,0	
5	0952	Rơ Mah H' Ri	Nữ	30/11/2000	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDA000503	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	61,5		5		66,5	
6	0874	Vũ Thị Nga	Nữ	12/01/1993	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (B639956)	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,5				64,5	
7	0685	Rơ Lan H' Điệp	Nữ	12/9/2001	Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng A190805	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	55,0		5		60,0	
Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:3 chỉ tiêu																	
1	1251	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	26/4/1993	Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B497029	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	99,5				99,5	
2	1259	Nguyễn Thị Tiên	Nữ	10/10/1996	Lơ Pang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B934678	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	94,5		5		99,5	
3	1257	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	04/12/1994	Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng xét nghiệm y học (B496974)	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	99,0				99,0	
Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:4 chỉ tiêu																	
1	1655	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	28/02/1995	Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật DND60120047	Không	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	75,0				75,0	
2	1819	Kpuih Hà Trinh	Nữ	13/01/1996	Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E0034510	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	68,0		5		73,0	

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1360	Nguyễn Trung Hùng	Nam	06/9/2003	Hoài Ân, Gia Lai	Cử nhân Công nghệ phần mềm (7121870)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	51,0				51,0	
		Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế:1 chỉ tiêu															
1	1549	Nguyễn Ngọc Dũng	Nam	15/4/1989	Vạn Đức, Gia Lai	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (283414)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, Trang thiết bị y tế	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	78,0				78,0	
		Văn thư viên trung cấp :1 chỉ tiêu															
1	1339	Đặng Thị Tuyết	Nữ	18/09/1994	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học Quản trị Kinh doanh (1021254)	Không	Trung tâm y tế Hoài Ân	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	100,0				100,0	
XII		Trung tâm y tế Ia Grai															
		Cao đẳng Điều dưỡng:7 chỉ tiêu															
1	1110	Đào Thị Phương Yến	Nữ	17/12/2003	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A001046	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	82,0				82,0	
2	1044	Trần Thị Thu Trang	Nữ	15/6/2003	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng TN21-CD 0000119	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	81,0				81,0	
3	0917	Trần Thị Nhung	Nữ	24/02/2000	Ia Krái, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDA00551	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	77,0				77,0	
4	0814	Nguyễn Thị Lan	Nữ	12/5/1989	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng VCI0008292	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	75,5				75,5	
5	0964	Lê Văn Tâm	Nữ	08/4/1994	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng YDC00849	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,0				63,0	
6	0884	Hồ Thị Như Ngọc	Nữ	11/11/1993	Ia Krái, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng YDC00851	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	60,5				60,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu															

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1714	Ksor Luyện	Nữ	01/01/2000	la Hrug, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật QNU.A.0000552	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	78,0		5		83,0	
2	1778	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	03/11/1991	la Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật MBS60002937	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	80,0				80,0	
		Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học:1 chỉ tiêu															
1	1885	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	26/02/1991	la Grai, tỉnh Gia Lai	Đại học Công tác xã hội 062557	Con thương binh	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	67,0		5		72,0	
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu															
1	1372	Nguyễn Quang Nhật	Nam	30/8/2003	la Krai, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin DKK62008962	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	60,0				60,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:9 chỉ tiêu															
1	0586	Thái Thị Ánh Phương	Nữ	01/8/2000	la Grai, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng A0001251	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	65,0				65,0	
2	0618	Đinh Thị Thủy Tiên	Nữ	20/06/1993	la Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: 1130182	Không	Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	64,0				64,0	
XIII		Trung tâm y tế Ia Pa															
		Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin:1 chỉ tiêu															
1	1399	Siu Đình Thân	Nam	31/01/1987	la Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Khoa học máy tính 00260857	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	67,5		5		72,5	
		Cao đẳng Điều dưỡng:5 chỉ tiêu															
1	0927	Rmah H' Oanh	Nữ	06/11/1993	la Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B717193	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	86,0		5		91,0	
2	0798	Nay H' Joanh	Nữ	30/10/1997	la Tul, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1026086	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	73,5		5		78,5	
3	0939	Siu H' Plonh	Nữ	08/10/1994	Pờ Tô, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B81766	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	67,0		5		72,0	
4	0908	Nay Nhon	Nam	17/9/1989	la Tul, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B688962	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Ia Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	62,0		5		67,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1322	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	31/8/1981	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Văn thư hành chính VCI0015914	Con thương binh	Trung tâm y tế Ia Pa	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	65,0		5		70,0	
XIV		Trung tâm Y tế Kbang															
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu															
1	0707	Phạm Trần Kim Giang	Nữ	12/08/1999	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng K.00063	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,5				80,5	
		Cao đẳng Hộ sinh:1 chỉ tiêu															
1	0416	Vũ Thị Nga	Nữ	10/6/1990	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng hộ sinh A000909	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	94,5				94,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:2 chỉ tiêu															
1	1599	Đoàn Thị Mỹ Diễm	Nữ	22/02/1987	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E0047447	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0				83,0	
2	1574	Hứa Ngọc Tú Anh	Nữ	17/01/1993	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản trị kinh doanh 1265830	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	76,0		5		81,0	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:2 chỉ tiêu															
1	1181	Ngô Thị Quý	Nữ	30/01/2002	Kbang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học E0051234	Không	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	97,0				97,0	
XV		Trung tâm Y tế Kông Chro															
		Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin:1 chỉ tiêu															
1	1402	Nguyễn Đình Văn	Nam	06/3/1997	Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Công nghệ thông tin (B912798)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	56,0				56,0	
		Cao đẳng Điều dưỡng:9 chỉ tiêu															
1	0698	Phạm Kim Duyên	Nữ	12/02/2004	An Hoà, An Lão	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001444)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	
2	0843	Nguyễn Thị Mai Ly	Nữ	04/10/1992	An Khê, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B57282	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0				99,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
3	0823	Lê Thị Kim Liên	Nữ	07/6/1993	An Nhơn Đông, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000019)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0				94,0	
4	0911	Nguyễn Thị Hiền Như	Nữ	28/12/1992	Phủ Vinh, Tp Huế	Cao đẳng Điều dưỡng (B375357)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,0				80,0	
5	0947	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	29/10/1991	Kông Chro, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (17099753)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	76,5				76,5	
6	0894	Hồ Thị Ánh Nguyệt	Nữ	01/10/1993	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B597069	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,0				64,0	
7	1071	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	19/4/1989	Kông Chro, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (PA000875)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	64,0				64,0	
8	0694	Nguyễn Thuỳ Dung	Nữ	13/7/2001	Quy Nhơn Tây, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (A00979)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	63,5				63,5	
		Cao đẳng Hộ sinh:4 chỉ tiêu															
1	0418	Nguyễn Thị Bảo Nhi	Nữ	30/3/1997	An Khê, Gia Lai	Cao đẳng ngành hộ sinh (B934817)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Cao đẳng Hộ sinh trở lên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	99,5				99,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:4 chỉ tiêu															
1	1799	Đặng Thị Tuyết Thom	Nữ	27/10/1990	Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Đại học Luật DHH.6.0.00001 17	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	72,0				72,0	
2	1769	Nguyễn Thị Nhã Phương	Nữ	18/8/2002	An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Quản trị kinh doanh IUH.B.0072612	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	58,0				58,0	
3	1833	Đinh Thị Roan Vi	Nữ	30/8/2002	Kông Chro, Gia Lai	Đại học quản lý nhà nước (0000812)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	50,0		5		55,0	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:2 chỉ tiêu															
1	1444	Nguyễn Hoàng Lập	Nam	20/08/1995	Vĩnh Thịnh, Gia Lai	Cử nhân Kế toán (1337957)	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	50,0				50,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
		Văn thư viên trung cấp: 1 chỉ tiêu															
1	1335	Phan Thị Thảo	Nữ	17/7/1991	Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Đại học Lưu trữ học 298833	Không	Trung tâm Y tế Kông Chro	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	88,0				88,0	
XVI		Trung tâm Y tế Krông Pa															
		Cao đẳng Điều dưỡng: 10 chỉ tiêu															
1	0822	Ksor H' Liên	Nữ	05/11/2002	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600489	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,5		5		104,5	
2	0687	Ksor H' Djuih	Nữ	08/11/1995	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B640217	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	99,0		5		104,0	
3	0746	Kpă H'Loang	Nữ	10/12/1997	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B1102044	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,0		5		103,0	
4	1108	Ksor H' Yên	Nữ	03/6/1997	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B783804	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	96,0		5		101,0	
5	1117	Nay Yuin	Nam	10/5/1991	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng B640073	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	94,0		5		99,0	
6	0821	Ksor H' Liế	Nữ	15/10/1994	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B649285	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	90,5		5		95,5	
7	0886	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	27/02/1991	Uar, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A498755	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	95,0				95,0	
8	0907	Ksor H' Nhoa	Nữ	10/6/1992	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng B.688232	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	89,0		5		94,0	
9	1115	R' Ô H' Yoan	Nữ	07/7/2003	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng 600959	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	80,5		5		85,5	
10	0888	Ksor Ngư	Nam	15/4/2001	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng A.001537	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	75,5		5		80,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh: 2 chỉ tiêu															
1	1770	Nguyễn Thị Phương Phương	Nữ	16/10/1996	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước 0005964	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	90,0				90,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
2	1607	R' Ô H' Đuy	Nữ	03/6/1999	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật A0003450	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	83,0		5		88,0	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học: 2 chỉ tiêu															
1	1178	Ksor Phiếu	Nữ	07/4/1999	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.004525	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	94,0		5		99,0	
2	1166	Trần Thị Thảo Nguyên	Nữ	07/9/2000	Tuy An Nam, Đắk Lắk	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (VL-B10910)	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	98,5				98,5	
		Đại học ngành Điều dưỡng: 14 chỉ tiêu															
1	0592	Nay H' Rối	Nữ	13/08/1993	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 0538028	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	87,5		5		92,5	
2	0447	Rô H' Dyan	Nữ	14/7/1999	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 001611	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	84,0		5		89,0	
3	0596	Ksor H' Tâm	Nữ	12/6/1992	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng sản phụ khoa A0003619	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	74,0		5		79,0	
4	0591	RCom Ran	Nam	08/10/1993	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 0002494	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	69,5		5		74,5	
5	0494	Ksor H' Thiê	Nữ	01/3/2001	la Dreh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004108	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	59,5		5		64,5	
6	0587	Ksor H' Piên	Nữ	26/3/2003	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng DHH.6.C.0005535	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	56,5		5		61,5	
7	0475	Rah Lan H' Nga	Nữ	15/11/1996	Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Đại học điều dưỡng 000817	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	54,5		5		59,5	
8	0432	Nay H' Chung	Nữ	15/3/1999	Uar, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 002194	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,5		5		55,5	
9	0464	Ksor H' Hã	Nữ	24/8/1998	la Rsai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 002195	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,5		5		55,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
10	0570	Nay H' Non	Nữ	07/12/1996	Uar, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 003233	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	50,0		5		55,0	
11	0550	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Nữ	24/11/1997	Phủ Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng 7101490	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	53,5				53,5	
		Văn thư viên trung cấp:1 chỉ tiêu															
1	1318	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04/02/1991	Phủ Túc, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Quản trị văn phòng và Lưu trữ A385035	Không	Trung tâm Y tế Krông Pa	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.	Văn thư viên trung cấp	02.008	69,0				69,0	
XVII		Trung tâm y tế Mang Yang															
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu															
1	1827	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	05/9/2000	Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật Kinh tế E0033877	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	86,0				86,0	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu															
1	1189	Nguyễn Thị Tiên Tiên	Nữ	23/7/1997	Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN00585	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:17 chỉ tiêu															
1	0632	Nguyễn Ngọc Tú	Nữ	15/3/1997	Hra, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1763808	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	93,0				93,0	
2	0605	Phạm Thị Anh Thảo	Nữ	25/4/1998	Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng TDU.1001911	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	54,0				54,0	
		Đại học ngành Hộ sinh:2 chỉ tiêu															
1	1542	Thonh	Nữ	07/12/2003	Hra, tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Hộ sinh (DHH.6.C.00056 14)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	88,5		5		93,5	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:4 chỉ tiêu															
1	1441	Dương Thuý Kiều	Nữ	29/4/1999	Vạn Đức, Gia Lai	Đại học tài chính ngân hàng (DND.6.014611 3)	Không	Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	99,0				99,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	0925	Huỳnh Thị Kim Oanh	Nữ	10/11/2004	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (001430)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				98,5	
2	1081	Đặng Thị Hồng Vân	Nữ	19/09/2004	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (A001461)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				98,5	
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu															
1	0350	Nguyễn Thị Thanh Trang	Nữ	17/11/1995	Phù Mỹ Tây, Gia Lai	Cao đẳng Dược (B924210)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	51,5				51,5	
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu															
1	1345	Vũ Đình Thế Anh	Nam	22/11/2003	Phù Mỹ, Gia Lai	Cử nhân công nghệ thông tin - kỹ thuật phần mềm (1148/QĐ-ĐHPT)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	53,0				53,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:1 chỉ tiêu															
1	0597	Nguyễn Thị Diễm Tâm	Nữ	21/01/1992	An Lương, Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng (TVU.1.034129)	Không	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	89,0				89,0	
		Cao đẳng Công nghệ thực phẩm:1 chỉ tiêu															
1	1550	Kpă Siu H' Linh	Nữ	23/8/2001	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm 000564	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm y tế Phù Mỹ	Cao đẳng Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	60,5		5		65,5	
XX		Trung tâm Y tế Phú Thiện															
		Cao đẳng Điều dưỡng:4 chỉ tiêu															
1	1004	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20/5/1994	Chư A Thai, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng (B497584)	Không	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	78,5				78,5	
2	0880	Rmah H' Ngen	Nữ	01/6/1995	Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Cao đẳng Điều dưỡng B790625	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	58,5		5		63,5	
3	0854	Siu MiLa	Nữ	21/12/1998	Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	Cao đẳng điều dưỡng B11055189	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	51,0		5		56,0	
4	0733	Ksor H'Gái	Nữ	01/01/2001	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng điều dưỡng 600485	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	50,0		5		55,0	
		Cao đẳng Dược:1 chỉ tiêu															
1	0402	Trần Dương Như Ý	Nữ	17/10/2003	Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Dược A001412	Không	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	61,0				61,0	
		Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính:1 chỉ tiêu															
1	1373	Trần Nhật Sinh	Nam	11/9/2002	Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Hệ thống thông tin QH7520250029	Không	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	63,5				63,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
		Đại học ngành Điều dưỡng:14 chỉ tiêu															
1	0440	Ksor Ang Drê	Nam	19/08/1997	Ia Hiao, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (1839570)	Người dân tộc thiểu số	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	82,0		5		87,0	
XXI		Trung tâm Y tế Pleiku															
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh:1 chỉ tiêu															
1	1611	Nguyễn Thị Lệ Hà	Nữ	20/4/1989	Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đại học Quản trị kinh doanh (00224843)	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	71,0				71,0	
		Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học:1 chỉ tiêu															
1	1160	Lê Thị Hồng Mai	Nữ	01/5/1997	Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0143528	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
		Đại học ngành Y tế công cộng:1 chỉ tiêu															
1	1538	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	20/07/1997	Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng 000053	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	91,0				91,0	
		Dân số viên hạng III: 1 chỉ tiêu															
1	1289	Nguyễn Thị Tố Nhi	Nữ	25/10/1998	Bình An, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng E005722	Không	Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học nhóm ngành Y tế công cộng; Hoặc đại học ngành Điều dưỡng có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	84,0				84,0	
XXII		Trung tâm y tế Quy Nhơn															
		Cao đẳng Điều dưỡng:19 chỉ tiêu															
1	0667	Nguyễn Thị Hồng Chi	Nữ	03/4/1998	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026122)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	
2	0681	Trần Thị Diễm	Nữ	19/5/1998	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026074)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	
3	0720	Đinh Thị Mỹ Hạnh	Nữ	27/02/2003	Tuy An Tây, Đăk Lăk	Cử nhân ngành điều dưỡng (7122473)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	
4	0784	Trần Thị Hương	Nữ	10/8/1996	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (B790572)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	
5	0829	Phan Kiều Linh	Nữ	20/12/1999	Bình An, Gia Lai	Cao đẳng ngành điều dưỡng (000443)	Không	Trung tâm y tế Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	1129	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	12/12/1992	Cát Tiến, Gia Lai	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (TVU.1.035118)	Không	Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	100,0				100,0	
		Đại học ngành Điều dưỡng:3 chỉ tiêu															
1	0467	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12/10/2000	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng (E0021849)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	94,0				94,0	
2	0459	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	12/02/1993	Đề Gi, Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng (000373)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	93,0				93,0	
3	0583	Nguyễn Phạm Hà Phương	Nữ	02/8/2003	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.0005387)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	90,5				90,5	
		Đại học ngành Dinh dưỡng:1 chỉ tiêu															
1	1288	Nguyễn Tường Vi	Nữ	25/10/2003	Đề Gi, Gia Lai	Cử nhân dinh dưỡng (PNTU.CN/001275)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	93,0				93,0	
		Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính:1 chỉ tiêu															
1	1443	Lê Thị Châu Lan	Nữ	10/12/1989	Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Đại học kế toán (314524)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	55,0				55,0	
		Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường:1 chỉ tiêu															
1	1545	Nguyễn Bá Sơn	Nam	12/02/1998	Hội Sơn, Gia Lai	Kỹ sư kỹ thuật môi trường (520641)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	62,0				62,0	
		Trung cấp ngành Lưu trữ: 1 chỉ tiêu															
1	1343	Đặng Hoàng Mộng Thuý	Nữ	26/11/1991	Tuy Phước, Gia Lai	Cao đẳng Kế toán (A422480)	Không	Trung tâm y tế Tuy Phước	Trung cấp ngành Lưu trữ. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ	Lưu trữ viên trung cấp	V.01.02.03	84,0				84,0	
XXV		Trung tâm y tế Vân Canh															
		Đại học ngành Điều dưỡng: 3 chỉ tiêu															
1	0636	Nguyễn Thị Tú Uyên	Nữ	06/12/1997	Canh Vinh, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (C2002121)	Không	Trung tâm y tế Vân Canh	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	98,5				98,5	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1	Vị trí tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ 50% điểm thi	Tổng điểm	Ghi chú
1	0347	Nguyễn Thị Hồng Trang	Nữ	08/03/2000	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Đại học Dược (7302318)	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	83,0				83,0	
LXXXVIII		Trạm Y tế phường Quy Nhơn (Trung tâm y tế Quy Nhơn)															
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu															
1	0993	Lê Anh Thi	Nữ	20/10/1991	An Phú, tỉnh Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng A181099	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	98,5				98,5	
		Đại học ngành Y tế công cộng :1 chỉ tiêu															
1	1539	Mai Thị Huyền Trang	Nữ	18/6/1993	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành y tế công cộng (1245562)	Không	Trạm Y tế phường Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	71,0				71,0	
LXXXIX		Trạm y tế xã Bình An (Trung tâm y tế Tây Sơn)															
		Cao đẳng dược:1 chỉ tiêu															
1	0157	Huỳnh Thị Ái Mỹ Ly	Nữ	28/5/1990	An Nhơn, Gia Lai	Đại học dược (NTTDS.10205182)	Không	Trạm y tế xã Bình An	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	66,0				66,0	
LXXX		Trạm y tế xã Bình Khê (Trung tâm y tế Tây Sơn)															
		Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế: 1 chỉ tiêu															
1	1293	Tô Thị Thanh Thảo	Nữ	08/10/1996	Vĩnh Quang, Gia Lai	Đại học Kế toán (0006196)	Không	Trạm y tế xã Bình Khê	Cao đẳng chuyên ngành Dân số - Y tế hoặc Cao đẳng trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	100,0				100,0	
LXXXI		Trạm Y tế xã Bình Phú (Trung tâm y tế Tây Sơn)															
		Cao đẳng Điều dưỡng:1 chỉ tiêu															
1	0722	Lý Thị Kim Hạnh	Nữ	06/06/1993	Bình Phú, Gia Lai	Cao đẳng Điều dưỡng (B401083)	Không	Trạm Y tế xã Bình Phú	Cao đẳng Điều dưỡng trở lên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	100,0				100,0	
LXXXII		Trạm y tế xã Canh Vinh (Trung tâm y tế Vân Canh)															
		Cao đẳng dược:1 chỉ tiêu															
1	0244	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	22/02/1994	Canh Vinh, Gia Lai	Cao đẳng ngành dược (B38235)	Không	Trạm y tế xã Canh Vinh	Cao đẳng Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	78,0				78,0	

Tổng danh sách: 452 thí sinh